

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES<sup>®</sup>)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 321B-C Đào Duy Anh, P.9, Q. Phú Nhuận, HCM.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3999 0090

Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



Mang tri thức phục vụ khách hàng

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

**CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES<sup>®</sup>)  
Công ty Thành viên của Reanda International

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	5
Bảng tính vốn khả dụng	06 - 08
Rủi ro thị trường	09 - 10
Rủi ro thanh toán	11
Rủi ro hoạt động	12
Bảng tổng hợp giá trị rủi ro và vốn khả dụng	13



## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hùng Vương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2013.

### KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương, tên giao dịch quốc tế Hung Vuong Securites Join Stock Company, viết tắt là HVS., JSC, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 99/UBCK - GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ tư theo Quyết định số 22/GPĐC - UBCK cấp ngày 28 tháng 05 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật từ Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh sang Ông Nguyễn Nhật Minh Triều.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 05 năm 2013 là 50.200.000.000 đồng, được chia thành 5.020.000 cổ phần.

Vốn pháp định của Công ty: 35.000.000.000 VNĐ.

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty bao gồm:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ /vốn góp	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Ông Tong Chin Hen	45,51%	2.284.800	22.848.000.000
2	Ông Nguyễn Thành Tài	15,34%	770.000	7.700.000.000
3	Ông Trần Duy Quang	14,16%	711.000	7.110.000.000
4	Bà Trần Thị Kim Thy	13,96%	700.800	7.008.000.000
5	Ông Nguyễn Nhật Minh Triều	6,94%	348.400	3.484.000.000
6	Ông Ngu Chie Kieng	3,49%	175.000	1.750.000.000
7	Ông Trần Kim Điệp	0,60%	30.000	300.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>5.020.000</b>	<b>50.200.000.000</b>

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 08) 6291 5358

Fax: (84 - 08) 6291 5359

Mã số thuế: 0306 353 700

### Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông : Tong Chin Hen	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Thanh Tài	Thành viên
Ông : Ngu Chie Kieng	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Trần Duy Quang	Trưởng ban
Bà : Đoàn Lê Duy Uyên	Thành viên
Bà : Diệc Lệ Bình	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám Đốc

Bà : Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 05/03/2013
Ông : Nguyễn Nhật Minh Triều	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 05/03/2013
Bà : Lê Thị Hương	Kế toán trưởng	

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - *Vietvalues* được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - *Vietvalues* bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình vốn khả dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, báo cáo đã tuân thủ các quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 Tháng 12 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về các tỷ lệ an toàn tài chính và biện pháp khắc phục cho các công ty chứng khoán không đáp ứng các quy định về tỷ lệ an toàn tài chính trong việc lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2013.

TP. HCM, ngày 30 tháng 7 năm 2013.

TM. Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NHẬT MINH TRIỀU



## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**

**Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương được lập ngày 30 tháng 06 năm 2013 gồm: Bảng tính vốn khả dụng, bảng tính giá trị rủi ro và Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 được trình bày từ trang 6 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám Đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận công tác soát xét

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy sự kiện nào để chúng tôi cho rằng việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, không phù hợp với các quy định trong thông tư 206/2010/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài Chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2013.

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**ĐỖ THỊ HƯƠNG**

**NGUYỄN THANH HỒNG**

Giấy CNĐKHN số: 0967-2013-071-1

Giấy CNĐKHN số: 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Hùng Vương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số:

V/v : báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
**(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)**

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2013

Chúng tôi cam đoan rằng :

- (1) : Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài Chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.
- (2) : Đối với những vấn đề ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo.
- (3) : Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo



Kế toán trưởng  
Bà Lê Thị Hương



Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ  
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thuý



Tổng Giám Đốc  
Ông Nguyễn Nhật Minh Triều

Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 7 năm 2013

## PHẦN 1: BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>26.993.498.478</b>	-	-
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	50.200.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ	-	-	-
5	Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-
6	Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(23.206.501.522)	-	-
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
11	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	-	-	-
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính ( thuyết minh 7.1)	-	-	-
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>26.993.498.478</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	-	<b>225.779.104</b>	-
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường (Thuyết minh 4)	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-	-
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	-	-	-
1	Phải thu của khách hàng	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	-	-
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-

PHẦN I: BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	-	-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	-	<b>225.779.104</b>	-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	192.165.033	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	1.614.071	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	-	32.000.000	-
4,1	Tạm ứng	-	3.000.000	-
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i>	-	3.000.000	-
4,2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác	-	29.000.000	-
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>224.165.033</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	-	<b>1.873.529.287</b>	-
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	-	<b>1.163.371.421</b>	-



PHÂN BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5	-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	710.157.866	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ tại điều 5 thông tư 226	-	-	-
1C	Tổng			1.873.529.287
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C				24.895.804.158

## PHẦN 2: BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

## A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

VND

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			<b>24.887.066.022</b>	<b>-</b>
1	Tiền mặt (VND)	0%	1.187.066.022	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	23.700.000.000	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%		-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>			<b>-</b>	<b>-</b>
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			-
5,1	<i>Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc các ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD</i>	3%		-
5,2	<i>Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm</i>	3%		-
	<i>Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm</i>	4%		-
	<i>Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên</i>	5%		-
<b>III. Trái phiếu Doanh nghiệp</b>				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-
<b>IV. Cổ phiếu</b>			<b>-</b>	<b>-</b>
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%		-

## PHẦN 2: BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

## A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

VNĐ

9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%		-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống	20%		-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các Công ty Đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%		-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		-
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			-	-
13	Quỹ đại chúng	10%		-
14	Quỹ thành viên	30%		-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch (không bao gồm trường hợp cổ phiếu tạm ngừng giao dịch để chuyển sàn giao dịch)	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
<b>VII. Chứng khoán khác</b>			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>			-	-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	.....			-
2	.....			-
<b>(A) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II+ III+IV+ V+VI+VII+VIII)</b>			<b>24.887.066.022</b>	<b>-</b>

## PHẦN 2: BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

## B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>								
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm							-
2	Cho vay chứng khoán							-
3	Vay chứng khoán							-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại (Repo)							-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại (Reverse Repo)							-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
7	Các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác							
	Các khoản phải thu (bao gồm các khoản phải thu khác) có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống							
	Các tài sản khác có hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống							
	<b>Cộng</b>							-
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>								
	<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Hệ số rủi ro</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>	<b>Giá trị rủi ro</b>				
1	0 -15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán							
2	16 -30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán							
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán							
4	Từ 60 ngày trở đi							
	<b>Cộng</b>							-
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>								
<b>(B) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)</b>								-

**PHẦN 2: BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

<b>C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG</b>	
<b>I. Tổng Chi phí hoạt động phát sinh trong 12 tháng</b>	<b>7.231.109.364</b>
<b>II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</b>	<b>1.372.140.712</b>
1. Chi phí khấu hao	1.372.140.712
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
4. Dự phòng phải thu khó đòi	
<b>III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)</b>	<b>5.858.968.652</b>
<b>IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>	<b>1.464.742.163</b>
<b>V. 25% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>	<b>7.000.000.000</b>
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C = MAX (IV, V))</b>	<b>7.000.000.000</b>

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro / vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường		-
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán		-
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động		7.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		7.000.000.000
5	Vốn khả dụng		24.895.804.158
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)		355,65%



Kế toán trưởng  
 Bà Lê Thị Hương



Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ  
 Bà Nguyễn Thị Cẩm Thuyên




Tổng Giám Đốc  
 Ông Nguyễn Nhật Minh Triều

Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Ngày 25 tháng 7 năm 2013